

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30/01/2018
V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tiến - Cán bộ hưu trí xã Trường Minh;

2. Bà Lê Thị Dệt - Cán bộ hưu trí xã Vạn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/11/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đình L, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn Cuôr, xã Y, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện nộp ngày 08/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Đình L có thời gian tìm hiểu là 2 năm, trên cơ sở tự nguyện. Sau đó tổ chức đám cưới có đăng ký kết hôn ngày 28/5/2013 tại UBND xã Yo, huyện L1, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống được hơn một năm thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 6 năm 2016 chị đưa con về ngoại ở tại xã T1, huyện N. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện chị không có thai với anh L. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, vợ chồng không thể quay về chung sống đoàn tụ. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh L có 1 con chung là Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2014 đang ở với chị. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Hiện chị làm công nhân tại Công ty may Trường Phát, mức thu nhập 4.000.000đ/tháng đủ điều kiện nuôi con ăn học.

- Về tài sản và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ngày 16/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Nông Cống Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ, tại Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắc Lắc anh Lê Đình L trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn anh thống nhất như chị T đã trình bày. Thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn anh trình bày như sau: Quá trình chung sống đến đầu năm 2016 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm về lời ăn tiếng nói cũng như trong cuộc sống. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 6/2016 chị T đưa con về quê ngoại ở, không ai quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất ly hôn. Anh L và chị T đã có đơn lựa chọn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết vụ án và anh có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Anh thống nhất như chị T trình bày vợ chồng có 1 con chung là Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2014 đang ở với chị. Anh đồng ý giao con cho chị T nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký, đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Anh L và chị T đã có đơn lựa chọn Tòa án Nông Cống giải quyết và anh L có đơn xét xử vắng mặt nên đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 BLTTDS để thụ lý, giải quyết vắng mặt anh.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh L. Về con giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T và anh L có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Nông Cống giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Nông Cống đã thụ lý giải quyết theo điểm b khoản 1 Điều 39 BLTTDS; anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên áp dụng khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Lê Đình L dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số: 28/2013 ngày 28/5/2013 tại UBND Y, huyện L1, tỉnh Đắc Lắc là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường bất đồng quan điểm. Khi xảy ra mâu thuẫn, hai bên không tìm biện pháp để giải quyết mà mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. HĐXX xét thấy: Hạnh phúc gia đình dựa trên nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng chị T và anh L không làm được điều đó dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Vợ chồng ly thân từ tháng 6/2016. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị T xin được ly hôn anh L, về phía anh L cũng đồng ý. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn anh L là phù hợp.

Về con chung: Cháu A hiện đang ở với chị T, chị lại có việc làm và thu nhập ổn định, có nguyện vọng xin được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Về phía anh L đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy nguyện vọng của hai bên hoàn toàn phù hợp quy định pháp luật và thực tế, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản và nợ chung: Chị T và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] Về án phí: Chị T khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và khoản 1 Điều 228 của BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo nghị quyết:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu chị Trần Thị T được ly hôn anh Lê Đình L.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 28/02/2014 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng 2 bên không đặt ra. Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006507 ngày 09/11/2017; chấp nhận chị T đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị T, vắng mặt anh L. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THADS huyện Nông Cống;
- UBND xã Y, huyện L1;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tình